

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THUẾ TÀI NGUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

Trần Thị Ngọc Ánh

(Khoa Kinh tế - Tài chính, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TÓM TẮT

Tài nguyên thiên nhiên là tài sản quan trọng của quốc gia, cần được quản lý, bảo vệ, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả nhằm đáp ứng phát triển kinh tế bền vững trong quá trình hội nhập quốc tế. Chính sách thuế tài nguyên được xác định là một công cụ tài chính hiệu quả để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên của các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, do sự biến động khó lường của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, chính sách thuế tài nguyên cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần phải nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, tình hình quản lý thu thuế tài nguyên trong những năm qua đạt được kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, công tác quản lý thu thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang còn một số bất cập. Bài viết trình bày thực trạng quản lý thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản lý thuế tài nguyên. Từ đó, đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Từ khóa: Bắc Giang, quản lý nhà nước, thuế tài nguyên, thực trạng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuế tài nguyên là thuế gián thu tính vào giá bán tài nguyên mà đối tượng chịu thuế là các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên. Mục đích của thuế tài nguyên là nhằm góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả, từ đó góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước, đồng thời góp phần bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN). Thực tế tình hình quản lý thu thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong những năm qua đạt được kết quả đáng khích lệ: Tổng nguồn thu từ thuế tài nguyên tăng từ 64,8 tỷ đồng năm 2020 lên 72,4 tỷ đồng năm 2022; Trên 90% hồ sơ khai thuế đúng hạn và khai đúng các chỉ tiêu... Tuy nhiên, công tác quản lý thu thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang còn một số bất cập: Do hệ thống chính sách thuế tài nguyên còn một số điểm chưa phù hợp với thực tế của địa phương; sự phối hợp giữa chính quyền địa phương và các ngành chức năng với cơ quan thuế chưa đồng nhất; một số tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tài nguyên thiên nhiên nhưng chưa thực hiện hoặc đã thực hiện kê khai, nộp thuế tài nguyên với cơ quan thuế nhưng chưa kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng theo quy định gây thất thu thuế. Do đó, việc đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về thuế tài nguyên và đề xuất các giải pháp

nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế tài nguyên tỉnh Bắc Giang là thực sự cần thiết.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Thực trạng công tác quản lý nhà nước về thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

- Phương pháp điều tra, khảo sát bằng mẫu phiếu được thiết kế sẵn nội dung câu hỏi và phương án trả lời. Đối tượng khảo sát là các lãnh đạo và kế toán trưởng của các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh và khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Các thông tin thứ cấp từ Tổng cục Thuế, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh Bắc Giang, Cục Thống kê, các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh từ năm 2021 đến năm 2023.

2.2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh và phương pháp chuyên gia để làm rõ thực trạng công tác quản lý nhà nước về thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

3.1.1. Tình hình thu thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

- Về số lượng các DN có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bắc Giang:

Thuế tài nguyên là một sắc thuế có số thu nhỏ trên tổng số thu nội địa của ngành thuế tỉnh Bắc Giang, số lượng các đơn vị phát sinh nghĩa vụ thuế tài nguyên cũng rất ít so với tổng số đơn vị quản lý nên công tác quản lý thuế tài nguyên được các bộ phận chức năng theo dõi quản lý cùng các sắc thuế khác.

Bảng 1. Kết quả thu thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh (%)	
					2022/2021	2023/2022
Dự toán kế hoạch thu thuế tài nguyên đầu năm:						
Dự toán thu thuế tài nguyên của Cục Thuế	Tỷ đồng	100	105	110	105	104,76
Dự toán UBND tỉnh giao	Tỷ đồng	105	110	120	104,76	109,09
Kết quả thu:						
Kết quả thu nội địa của tỉnh	Tỷ đồng	16.550	18.667	16.409	112,79	87,90
Kết quả thu từ thuế tài nguyên	Tỷ đồng	163	147	165	90,18	112,24
- Tỷ lệ thu từ thuế tài nguyên so với thu nội địa của tỉnh	%	0,98	0,79	1,01	79,96	127,69
- Tỷ lệ thu thuế tài nguyên so với Dự toán của Cục Thuế	%	163	140	150	85,89	107,14
- Tỷ lệ thu thuế tài nguyên so với Dự toán UBND tỉnh giao	%	155,24	133,64	137,50	86,08	102,89

Nguồn: Cục thuế tỉnh Bắc Giang.

Thuế tài nguyên là một sắc thuế có số thu nhỏ, chỉ chiếm trung bình 1% so với kết quả thu nội địa của tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn 2021 - 2023. Kết quả thu thuế tài nguyên năm 2021 đạt 163 tỷ đồng và 2022 là 147 tỷ đồng, năm 2023 đạt 165 tỷ đồng. Nhìn vào tốc độ tăng trưởng số thu NSNN từ thuế tài nguyên, ta có thể thấy được công tác quản lý thuế tài nguyên đã có được những hiệu quả nhất định. Mặc dù nền kinh tế mấy năm gần đây gặp nhiều khó khăn và suy thoái chung nhưng số thu NSNN nội địa của tỉnh Bắc Giang năm sau vẫn tăng so với năm trước, và số thu thuế tài nguyên tại Văn phòng Cục Thuế tỉnh Bắc Giang vẫn tăng qua các năm.

Trong những năm qua, ngành thuế Bắc Giang đã tích cực phối hợp với chính quyền các cấp, các sở ban ngành của địa phương, quản lý các mỏ tài nguyên khoáng sản được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Việc quản lý khai thác tài nguyên cho đến nay đã đạt được kết quả nhất định, góp phần tăng thu ngân sách và khuyến khích bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết

kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên. Số thu thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang chủ yếu là các khoáng sản phi kim loại và tài nguyên nước. Tuy nhiên, tỷ trọng số thu thuế tài nguyên hiện nay còn nhỏ so với tổng thu từ thuế và phí của tỉnh Bắc Giang.

3.1.2. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

3.1.2.1. Phân cấp quản lý hoạt động thu thuế tài nguyên

Phân cấp quản lý các khoản thu từ tài nguyên khoáng sản: Theo quy định của Luật quản lý thuế, Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản của HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang.

Tại cơ quan thuế: Cục thuế quản lý thu thuế tài nguyên các đơn vị do Cục quản lý; các Chi Cục thuế khu vực thu Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, quản lý thu thuế tài nguyên các đơn vị được giao quản lý.

Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý các khoản phí theo quy định như: Phí thăm định báo

cáo đánh giá tác động môi trường, Phí thăm định báo cáo, đề án thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi. Phí thăm định báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất; ngoài ra còn một số khoản thu khác theo quy định.

3.1.2.2. Công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế (NNT)

Phòng Tuyên truyền và hỗ trợ NNT giữ vai

trò chủ đạo trong việc thực hiện công tác này, với số lượng các đơn vị khai thác tài nguyên trên địa bàn không nhiều, nhưng phân bố khắp địa bàn các huyện thành thị trong tỉnh. Điều này đòi hỏi công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT phải dàn trải và thực hiện quản lý sâu đối với tất cả các đơn vị thuộc Cục Thuế quản lý (Đội Nghiệp vụ - Tuyên truyền hỗ trợ NNT tại Chi cục Thuế chỉ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền đối với các đơn vị được phân cấp về Chi cục Thuế quản lý).

Bảng 2. Công tác tuyên truyền về thuế của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)	
Tuyên truyền qua trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Báo Bắc Giang	Tin bài	182	221	242	121,43	109,50
Tuyên truyền qua Đài Truyền hình Bắc Giang	Phóng sự	15	20	24	133,33	120,00
Tuyên truyền qua Đài Phát thanh địa phương	Chuyên mục	264	322	486	121,97	150,93
Gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp	Cuộc	25	14	27	56,00	192,86
Hội thảo, chuyên đề	Cuộc	48	26	52	54,17	200,00

Nguồn: Cục Thuế tỉnh Bắc Giang.

Công tác tuyên truyền và các hình thức tuyên truyền hỗ trợ NNT nói chung của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang được thực hiện đa dạng với số lượng các tin bài, phóng sự, chuyên mục, cuộc gặp gỡ đối thoại, hội thảo, chuyên đề tăng dần qua các năm. Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên các cuộc gặp gỡ, đối thoại trực tiếp và hội thảo, hội nghị chuyên đề giảm, Cục Thuế tăng cường hoạt động tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin của Cục Thuế.

Do là một sắc thuế nhỏ nên các nội dung về thuế Tài nguyên được lồng ghép tuyên truyền với các nội dung khác trong chương trình tuyên truyền nói chung của Cục Thuế. Đối với các nội dung chuyên đề về thuế tài nguyên, hàng năm, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang tuyên truyền được từ 5 - 7 bài viết trên trang thông tin điện tử của Cục Thuế tỉnh, Báo Bắc Giang (chủ yếu đối với các nội dung về cập nhật các chính sách liên quan đến thuế tài nguyên và các thông tin về chống thất thoát thuế tài nguyên khoáng sản) và 01 - 02 chuyên đề trên Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, tổ chức 01 cuộc đối thoại với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khai thác, kinh doanh tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

Khó khăn trong công tác tuyên truyền NNT, do từ nhận thức về nguồn tài nguyên là của thiên nhiên ban tặng, nên các đơn vị khai thác sử dụng tài nguyên luôn có tư tưởng sẵn sàng khai thác, bán sang tay ngay tại nơi khai thác để thu lợi mà không quan tâm đến việc có hay không có hợp đồng mua bán hay hoá đơn thanh toán và coi đây là việc làm bình thường, một số đơn vị hiểu biết nhưng cũng phớt lờ các quy định để tránh phát sinh nghĩa vụ liên quan đến thuế. Một phần do sự hiểu biết hạn chế về quy định của pháp luật trong lĩnh vực thuế tài nguyên ở các đơn vị này gây ra tình trạng NNT không thực hiện đầy đủ việc kê khai và nộp thuế tài nguyên vào NSNN.

Thực hiện các buổi tập huấn về thuế tài nguyên là cần thiết: Những năm trở lại đây, không chỉ ngành thuế Bắc Giang mà trên toàn ngành thuế, thuế tài nguyên là chuyên đề được quan tâm, chỉ đạo hướng dẫn thực hiện rất sát sao. Bộ phận tuyên truyền, hỗ trợ NNT đã tổ chức các buổi tập huấn về thuế tài nguyên cùng các sắc thuế khác ở các thời điểm có sự thay đổi về chính sách thuế. Do số lượng các đơn vị phát sinh nghĩa vụ thuế tài nguyên trên địa bàn không nhiều, nên việc tập huấn thuế tài nguyên thường được kết hợp cùng với tập huấn các chính sách về thuế khác.

Bảng 3. Tổng hợp số liệu tập huấn, giải đáp về thuế tài nguyên tại Cục Thuế tỉnh Bắc Giang

Năm	Số buổi tập huấn (buổi)	Số người được tập huấn (lượt người)	Số lượt giải đáp bằng điện thoại và trực tiếp (lượt)
2020	2	70	94
2021	1	40	110
2022	1	40	106
Tổng cộng	4	150	310

Nguồn: Cục Thuế tỉnh Bắc Giang.

Có thể thấy thời gian qua số buổi tập huấn có liên quan về thuế tài nguyên được tổ chức chưa nhiều. Từ năm 2021 - 2023, chỉ tổ chức được 04 lớp tập huấn cho các đơn vị kinh doanh, khai thác tài nguyên với tổng số lượt người tham gia là 150 người và giải đáp bằng điện thoại và trả lời trực tiếp được 310 lượt người đối với các vấn đề liên quan đến thuế tài nguyên. Điều này đặt ra yêu cầu cho bộ phận tuyên truyền hỗ trợ NNT trong việc tăng số lượng buổi tập huấn trong thời gian tới để tuyên truyền, phổ biến sâu rộng hơn chính sách pháp luật thuế nói chung cũng như về thuế tài nguyên.

Phòng tuyên truyền hỗ trợ NNT phối hợp với các cơ quan Báo Bắc Giang, Đài phát thanh và truyền hình của tỉnh, huyện, thành phố, loa truyền thanh cơ sở; Bản tin sinh hoạt Chi bộ của Ban tuyên giáo tỉnh uỷ; Ban Dân vận Tỉnh uỷ, Bản tin Tư pháp của Sở Tư pháp, Bản tin Hội Người cao

tuổi thuộc Mặt trận tổ quốc tỉnh, các tổ chức đoàn thể quần chúng đăng tải nhiều tin, bài, hình ảnh về công tác phát động thi đua hoàn thành nhiệm vụ toàn ngành, việc triển khai các quy định mới về thuế trong đó có thuế tài nguyên.

3.1.2.3. Công tác kê khai thuế và kế toán thuế

Công tác này được thực hiện theo quy trình kê khai và kế toán thuế, do phòng Kê khai và kế toán thuế giữ vai trò chủ đạo. Bộ phận kê khai và kế toán thuế thực hiện nhiệm vụ chủ yếu liên quan tới công tác theo dõi việc kê khai, nộp hồ sơ khai thuế và nhập các dữ liệu kê khai của NNT vào phần mềm quản lý thuế. Đối với thuế tài nguyên, công việc quản lý phát sinh liên quan tới xử lý dữ liệu kê khai trên hồ sơ khai thuế tài nguyên, quản lý nộp hồ sơ khai đúng thời hạn quy định, kiểm tra việc khai đúng các chỉ tiêu và việc hạch toán tiền thuế của các đơn vị.

Bảng 4. Tỷ lệ tờ khai thuế tài nguyên bình quân trên số cán bộ kê khai kế toán thuế giai đoạn 2021 - 2023

Năm	Số lượng hồ sơ khai thuế tài nguyên	Số lượng cán bộ phòng Kê khai kế toán thuế (người)	Bình quân hồ sơ khai thuế/một cán bộ phận kê khai và kế toán thuế
2021	488	9	54,2/1
2022	485	10	48,5/1
2023	565	10	56,5/1

Nguồn: Cục Thuế tỉnh Bắc Giang.

Nếu chỉ tính riêng về thuế tài nguyên, số hồ sơ khai thuế tài nguyên bình quân trên một cán bộ kê khai kế toán thuế không nhiều. Năm 2020, bình quân 1 cán bộ thuế xử lý 54,2 hồ sơ khai thuế tài nguyên; năm 2021 là 48,5 hồ sơ khai trên 1 cán bộ

và năm 2022 bình quân là 56,5 hồ sơ khai trên 1 cán bộ. Tuy nhiên, cũng như các bộ phận chức năng cơ bản khác, thực hiện quản lý chung các sắc thuế, nên chưa đánh giá được hiệu quả chính xác về nguồn lực kê khai và kế toán thuế đối với thuế tài nguyên.

Bảng 5. Tổng hợp tỷ lệ hồ sơ khai thuế nộp đúng hạn

Năm	Số hồ sơ khai thuế phải nộp (hồ sơ)	Số hồ sơ khai thuế đã nộp (hồ sơ)	Số hồ sơ khai thuế đã nộp đúng hạn (hồ sơ)	Tỷ lệ (%)	
				Số hồ sơ khai đã nộp/ số hồ sơ khai thuế phải nộp (%)	Số hồ sơ khai đã nộp đúng hạn/số hồ sơ khai thuế đã nộp (%)
2021	488	488	426	100	87
2022	485	485	453	100	83
2023	565	565	480	100	85

Nguồn: Cục Thuế tỉnh Bắc Giang.

Công tác kê khai thuế của các đơn vị khai thác tài nguyên được thực hiện khá đầy đủ theo quy định. Thuế tài nguyên là loại thuế kê khai theo tháng và được thực hiện quyết toán theo năm tài chính. Tỷ lệ hồ sơ khai đã nộp của các năm đạt 100% trên số hồ sơ khai phải nộp. Năm 2021, có 87% số hồ sơ khai đã nộp đúng hạn. Năm 2022, số hồ sơ khai thuế tài nguyên đã nộp đúng hạn là

83%. Năm 2023, có 85% số hồ sơ khai thuế tài nguyên đã nộp đúng hạn.

Về công tác kế toán thuế tài nguyên, thuế tài nguyên là loại thuế được điều tiết 100% cho ngân sách địa phương. Do đó, công tác kế toán thuế luôn cần phải chi tiết đến từng địa bàn nơi đơn vị tiến hành khai thác tài nguyên để có cơ sở hạch toán đúng số thu.

Bảng 6. Tổng hợp chứng từ nộp thuế tài nguyên qua công tác kê khai và kế toán thuế

Năm	Số chứng từ nộp thuế tài nguyên (chứng từ)	Số chứng từ có sai sót (chứng từ)	Tỷ lệ chứng từ có sai sót (%)
2021	288	25	8,7
2022	252	16	6,3
2023	272	21	7,7

Nguồn: Cục Thuế tỉnh Bắc Giang.

Các đơn vị khai thác thuế tài nguyên thường có sai sót trong khi nộp tiền vào NSNN do nhầm mục, tiểu mục NSNN hoặc do ghi không đúng địa chỉ khai thác tài nguyên mà ghi theo địa chỉ trụ sở làm việc, điều này gây khó khăn cho công tác kế toán thuế tài nguyên, phát sinh nhiều công việc liên quan tới điều chỉnh số thu với Kho bạc Nhà nước. Năm 2021, có 25/288 số chứng từ nộp có sai sót về mục lục NSNN và địa bàn khai thác tài nguyên, chiếm 8,7%; năm 2022 có 16/252 số chứng từ nộp có sai sót về mục lục NSNN và địa bàn khai thác tài nguyên và năm 2023 có 21/272 chứng từ sai sót, chiếm 7,7% số chứng từ nộp. Các đơn vị vẫn chưa nắm rõ các quy định trong việc nộp tiền đúng vào NSNN, gây ra tình trạng treo số thu, số thu không vào NSNN kịp thời, tạo khối lượng công việc phát sinh liên quan tới xử lý chứng từ nộp của bộ phận kế toán thuế, đồng

thời tạo số nợ điều chỉnh mà bộ phận quản lý nợ phải phối hợp cùng xử lý. Về mặt luân chuyển số thu, chứng từ, công tác kê khai thuế đang được thực hiện theo đề án hiện đại hoá công tác thu nộp thuế thông qua kết nối thông tin giữa ngành Thuế - Kho bạc - Tài chính và thực hiện uỷ nhiệm thu thuế qua Ngân hàng phục vụ cho việc kết nối trao đổi thông tin giữa cơ quan Thuế và Kho bạc trên toàn tỉnh, do vậy việc tập hợp số thu được nhanh chóng kịp thời và có sự thống nhất.

Bộ phận kê khai và kế toán thuế là bộ phận chức năng xử lý rất nhiều công việc liên quan tới NNT, khối lượng công việc rất lớn và thường xuyên phải xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm.

3.1.2.4. Công tác quản lý nợ thuế tài nguyên

Công tác quản lý nợ thuế là một trong 4 chức năng quản lý thuế chính, có ý nghĩa quan

trọng đối với công tác quản lý thuế, đặc biệt trong việc đảm bảo số thu NSNN. Công tác này được thực hiện theo quy trình do Phòng Quản lý Nợ và Cường chế nợ thuế đảm nhận.

Bảng 7. Tỷ lệ số nợ thuế tài nguyên trên số thu thuế tài nguyên giai đoạn 2021-2023

Năm	Số đơn vị, cá nhân nợ thuế tài nguyên (đơn vị, cá nhân)	Số tiền thuế tài nguyên nợ tính đến thời điểm 31/12 (triệu đồng)	Số tiền thuế tài nguyên thu vào NSNN (triệu đồng)	Tỷ lệ số tiền thuế tài nguyên nợ / số tiền thuế tài nguyên thu vào NSNN (%)
2021	48	27.078	163.809	16,53
2022	57	28.557	147.610	19,35
2023	73	30.947	165.437	18,71

Nguồn: Cục Thuế tỉnh Bắc Giang

Số nợ thuế tài nguyên tính đến thời điểm 31/12/2021 là 27.078 triệu đồng, so với số thu thuế tài nguyên chiếm tỷ lệ 16,53 %. Năm 2022, số nợ thuế tăng lên 28.557 triệu đồng, chiếm 19,35 % so với số thu thuế tài nguyên và năm 2023, số nợ là 30.947 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 18,71 % trên số thu thuế tài nguyên. Như vậy, vấn đề nợ đọng thuế tài nguyên đang là một vấn đề cần nhanh chóng giải quyết, khi tỷ lệ nợ thuế luôn chiếm từ 16 - 20% số thuế thu được qua các năm.

Nguyên nhân chính là do tình hình kinh tế có nhiều khó khăn, đặc biệt là tình hình tài chính của các đơn vị. Sản phẩm tiêu thụ giảm, công nợ gặp nhiều khó khăn do khách hàng chiếm dụng vốn hoặc nợ dài hạn, nợ gối do ít vốn lưu chuyển. Thêm vào đó, lãi suất ngân hàng cao nên các doanh nghiệp không thực hiện nộp thuế đầy đủ vào NSNN, làm cho số nợ thuế tài nguyên liên tục tăng qua các kỳ, nếu có nộp được cũng chỉ được một phần thuế phát sinh, còn lại chuyển thành số nợ. Nhưng xét về hiệu quả công tác quản lý nợ thuế vẫn cho thấy rằng chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, vẫn chưa áp dụng linh hoạt các biện pháp đôn đốc thuế để đơn vị ý thức được và nộp tiền thuế nợ dứt điểm ngay sau khi có phát sinh. Điều này đòi hỏi công tác quản lý nợ thuế luôn theo dõi sát sao, đôn đốc đơn vị nộp thuế phát sinh dứt điểm và có phương án giải quyết nhanh chóng số nợ đọng của đơn vị.

3.1.2.5. Công tác thanh tra, kiểm tra về thu thuế tài nguyên

Công tác thanh tra, kiểm tra là nội dung rất quan trọng trong công tác quản lý thuế. Với số thu NSNN lớn, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang có 3

phòng Thanh tra, thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra thuế của các đơn vị thuộc Cục thuế tỉnh Bắc Giang quản lý, thanh tra kiểm tra toàn diện, trong đó công tác Thanh tra, kiểm tra thuế tài nguyên thuộc chức năng của Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 2.

Công tác thanh tra, kiểm tra cũng nhằm mục đích phát hiện ra các hành vi vi phạm pháp luật về thuế của NNT bằng các kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, để có biện pháp xử lý phù hợp, tác động vào ý thức tuân thủ pháp luật của NNT để nhằm quản lý có hiệu quả nguồn thu NSNN.

3.3. Giải pháp và kiến nghị nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

3.3.1. Giải pháp

3.3.1.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Tăng cường công tác tuyên truyền về thuế tài nguyên qua trang thông tin điện tử của Cục Thuế, Báo Bắc Giang, trang thông tin UBND tỉnh Bắc Giang...

Tổ chức tập huấn, đối thoại với NNT khi có các thay đổi về chính sách thuế hoặc có nhiều vướng mắc về chính sách, thủ tục hành chính thuế; xây dựng và cấp phát tài liệu hỗ trợ NNT; giải đáp vướng mắc về thuế cho NNT.

Tổ chức các cuộc họp chuyên đề về công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT; khảo sát, thăm dò ý kiến về nhu cầu hỗ trợ của NNT.

Tăng cường tuyên truyền Luật khoáng sản, Luật bảo vệ Môi trường, Luật thuế tài nguyên và các văn bản chính sách pháp luật thuế hiện hành.

Lập kế hoạch tuyên truyền, hỗ trợ NNT, kế

hoạch được lập phải đảm bảo tính kịp thời, hiệu quả và phù hợp.

Tổ chức “Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp” ở Cục Thuế và các Chi cục Thuế để lắng nghe ý kiến NNT, đồng thời trả lời vướng mắc về thủ tục, chính sách thuế tài nguyên của NNT.

Tiếp tục đổi mới và hiện đại hoá công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách thuế tài nguyên.

3.3.1.2. Tăng cường quản lý thuế tài nguyên

Tăng cường công tác quản lý kê khai thuế, kiểm tra chặt chẽ hồ sơ khai thuế, xử lý kịp thời các hồ sơ lỗi, sai số học, thực hiện kiểm soát tốt việc kê khai đăng ký thuế.

Tăng cường kiểm tra rà soát tình hình kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân.

Nâng cao chất lượng của công tác Kế toán và Thống kê thuế để kịp thời phát hiện và xử lý thừa, thiếu thuế trên sổ thuế, đồng thời cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về kết quả thu nộp thuế phục vụ cho công tác phân tích đánh giá chỉ đạo công tác thu thuế của đơn vị.

Xây dựng ứng dụng riêng để thường xuyên cập nhật kiểm soát các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và đang hoạt động khai thác tài nguyên.

3.3.1.3. Tăng cường công tác quản lý nợ thuế

Chỉ đạo thực hiện tốt quy trình Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; Phân loại nợ thuế trong đó có thuế tài nguyên, phân tích tình trạng nợ, tình hình tài chính của doanh nghiệp; Cương quyết áp dụng các biện pháp xử lý và cưỡng chế nợ thuế đối với các doanh nghiệp cố tình chây ì nộp thuế.

Tăng cường công tác phối hợp giữa bộ phận Quản lý nợ với các phòng, bộ phận chức năng trong việc rà soát, đối chiếu, điều chỉnh nợ thuế tài nguyên để xử lý kịp thời các khoản nợ ảo, đảm bảo số liệu nợ thuế tài nguyên theo dõi nợ trên ứng dụng của cơ quan thuế thống nhất với người nộp thuế.

Thực hiện các biện pháp xử lý nợ thuế tài nguyên: Khoanh nợ, giãn nợ, xoá nợ theo quy định của luật Quản lý thuế và hướng dẫn của Bộ tài chính và Tổng cục thuế.

Triển khai các biện pháp đồng bộ trong việc phân tích, đôn đốc thu nợ và xử lý nợ thuế tài nguyên, lấy kết quả thu nợ hàng tháng, quý và cả năm trước làm chỉ tiêu xét thi đua cả năm nay đối với các đơn vị nhận kế hoạch thu và chỉ tiêu thu nợ thuế tài nguyên.

Chỉ đạo, kiểm tra và hướng dẫn các Chi cục Thuế trong công tác Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế tài nguyên; xây dựng và kiện toàn tổ chức Đội quản lý Nợ tại các Chi cục Thuế khu vực.

Đề xuất với UBND tỉnh giải pháp cưỡng chế nợ bằng hình thức thu hồi giấy phép khai thác đối với các đơn vị chây ì nợ thuế tài nguyên.

3.3.1.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra

Thường xuyên củng cố công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp khai thác tài nguyên. Thực hiện thanh tra chuyên ngành về thuế tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản.

Phân loại đối tượng để thanh tra, kiểm tra; tập trung thanh tra, kiểm tra các đối tượng có nhiều rủi ro về thuế hoặc thiếu độ tin nhiệm, thường xuyên gian lận về thuế.

Xây dựng và triển khai thực hiện các kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế đối với từng trường hợp; nâng cao việc sử dụng thông tin kinh tế ngành trong thanh tra thuế;

Nghiên cứu và xây dựng đề án triển khai điều tra thuế.

Tăng cường chế độ trách nhiệm cho cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra thuế. Cán bộ thuế khi thực hiện thanh tra, kiểm tra thuế nếu cố tình phối hợp với người nộp thuế che giấu vi phạm của người nộp thuế để phục vụ lợi ích cá nhân và làm thất thu NSNN, phải bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật và Pháp lệnh cán bộ công chức.

3.3.1.5. Tăng cường công tác đào tạo và phân công cán bộ quản lý thuế tài nguyên

Cơ quan thuế các cấp cần phải phân công cán bộ quản lý đúng người, đúng việc, dựa theo năng lực sở trường của mỗi cán bộ thuế để bố trí công việc cho hợp lý.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quản lý thuế cho đội ngũ cán bộ, công chức thuế nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý thuế tài nguyên cho cán bộ, công chức.

Phối hợp với các phòng ban chức năng xây dựng kế hoạch, tự bồi dưỡng, tập huấn, tập trung chủ yếu vào các kỹ năng, kiến thức quản lý thuế cho các cán bộ thuế, với mục tiêu phát huy có hiệu quả nguồn nhân lực trong toàn ngành.

Tăng cường quán triệt chủ trương, chính sách, nhắc nhở công chức chấp hành nghiêm chỉnh kỷ cương, kỷ luật trong thực thi công vụ.

3.3.1.6. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý về tài nguyên

Thường xuyên phối kết hợp với các sở, các ban, ngành trong tỉnh để thống nhất cách quản lý các doanh nghiệp đã được cấp giấy phép hoạt động khai thác, kinh doanh tài nguyên trên địa bàn, rà soát kiểm tra các đơn vị thuộc phạm vi, quyền hạn của Cục Thuế được giao quản lý.

3.3.2. Kiến nghị

3.3.2.1. Đề nghị với Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế

Nghiên cứu, đề xuất bổ sung các quy định có liên quan đến chính sách thuế tài nguyên trình Chính phủ, Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành biểu mức thuế suất thuế Tài nguyên qui định thống nhất một mức thuế suất.

3.3.2.2. Đối với Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng

Phối hợp cùng nhau tạo điều kiện thuận lợi cho NNT thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuế vào NSNN đảm bảo nhanh, kịp thời, đúng mục lục ngân sách, đúng và đủ số tiền vào NSNN và đảm bảo cho việc điều tiết NSNN theo đúng địa bàn khai thác tài nguyên.

3.3.2.3. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan

Kiểm tra chặt chẽ việc cấp giấy phép khai thác tài nguyên: thăm dò chi tiết về trữ lượng hiện có của nguồn tài nguyên khoáng sản trước khi cấp giấy phép nhằm tránh thất thoát sản lượng khai thác thực tế so với kê khai.

Sản lượng tài nguyên tính thuế là sản lượng thực tế khai thác trong kỳ. Nên, cần tăng cường quản lý sản lượng tài nguyên khai thác từ khâu cấp phép, cho đến quá trình tổ chức khai thác, tiêu thụ để chống thất thoát, trốn sản lượng tính thuế.

Quản lý chặt chẽ, hiệu quả hoạt động khai thác tài nguyên.

Cần có quy chế phối hợp đồng nhất giữa các

sở ban ngành có liên quan trong lĩnh vực khai thác tài nguyên để tạo thuận lợi cho công tác phối hợp quản lý giữa các cơ quan trong việc quản lý có hiệu quả nguồn tài nguyên.

3.3.2.4. Đối với cơ quan báo, đài, truyền thông

Các cơ quan truyền thông cần tích cực hơn trong việc tuyên truyền phổ biến pháp luật và phản ánh kịp thời những việc làm sai trái, vi phạm pháp luật của các đơn vị hoạt động khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh, góp phần làm tăng thêm tầm quan trọng trong việc bảo vệ và khai thác nguồn tài nguyên và ảnh hưởng của việc khai thác tài nguyên đối với sự sống của con người và giá trị của thuế tài nguyên trong số thu NSNN để chủ động phối hợp với Cục Thuế tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật về thuế tài nguyên.

4. KẾT LUẬN

Thuế tài nguyên là loại thuế gián thu giữ vai trò quan trọng trong hệ thống thuế. Nguồn thu từ thuế tài nguyên đã góp phần quan trọng vào việc đầu tư cơ sở hạ tầng và cải tạo môi trường nơi khai thác, đảm bảo an sinh xã hội địa phương. Thực tế tình hình quản lý thu thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong những năm qua đạt được kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, công tác quản lý thu thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang vẫn còn tồn tại một số bất cập. Để tăng cường công tác quản lý nhà nước về thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cần thực hiện đồng bộ các giải pháp gồm: Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, cải cách thủ tục hành chính; Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế; Tăng cường công tác đào tạo và phân công cán bộ quản lý thuế tài nguyên; Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý về tài nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2010). *Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên*, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2011). *Thông tư số 129/2011/TT-BTC ngày 15/9/2011 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản*, Hà Nội.
3. Bộ Tài chính (2011). *Thông tư số 158/2011/TT-BTC ngày 16/11/2011 của Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản*, Hà Nội.
4. Phạm Ngọc Chi (2014). *Quy định về phân công, phân cấp quản lý nhà nước về khoáng sản*. Hội thảo khoa học Phân cấp và các sáng kiến quản trị tốt tài nguyên khoáng sản ở cấp địa phương, Bình Định.
5. Chính phủ (2010). *Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên*, Hà Nội..

STATE MANAGEMENT OF NATURAL RESOURCE TAX IN BAC GIANG PROVINCE: CURRENT STATUS AND RECOMMENDATIONS

Tran Thi Ngoc Anh

(Economics - Finance Faculty, Bac Giang Agriculture and Forestry University)

SUMMARY

Natural resources are important national assets that need to be managed, protected, and used appropriately, economically and effectively to meet sustainable economic development in the process of international integration. The resource tax policy is determined to be an effective financial tool to perform state management functions over the exploitation and use of natural resources by organizations and individuals in the economy. However, in the process of socio-economic development and international economic integration, due to unpredictable fluctuations in world economics and politics in general and the Vietnamese economy in particular, The resource tax policy has shortcomings and limitations that need to be researched, amended and supplemented appropriately. In Bac Giang province, the management of natural resources tax collection in recent years has achieved encouraging results. However, the management of resource tax collection in Bac Giang province still has some shortcomings. This article presents the current status of natural resource tax management in Bac Giang province, analyzes factors affecting resource tax management, and proposes some solutions to strengthen the management of natural resource tax in Bac Giang province.

Keywords: Bac Giang, current status, natural resources tax, state management.

Người phản biện: PGS. TS. Phan Thanh Hà

Ngày nhận bài: 15/6/2024

Ngày phản biện: 9/7/2024

Ngày quyết định đăng: 6/9/2024